

TARIC

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

**ĐỊA CHỈ: TẦNG 4 TÒA NHÀ M5 – SỐ 91 NGUYỄN CHÍ THANH –
PHƯỜNG LÁNG HẠ - QUẬN ĐÔNG ĐA – HÀ NỘI**

TEL: 04 37738558 FAX: 04 3773 5859

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

TEL: 04 37738558

FAX: 04 3773 5859

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tasco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600264117 (Số cũ: 0103021321) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 15 ngày 09/7/2015.
- Vốn điều lệ : 1.284.047.330.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.284.047.330.000 đồng.
- Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, HN.
- Số điện thoại : 04. 3773 8558
- Số fax : 04. 3773 8559
- Website : <http://www.taric.com.vn>
- Mã cổ phiếu : HUT.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Thành lập Doanh Nghiệp:

Công ty Cổ phần Tasco nguyên là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là Đội cầu Nam Hà và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông. Cùng với sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như quá trình đổi mới về quản lý các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, Công ty có các tên gọi sau:

- + Năm 1976 Công ty Cầu Hà Nam Ninh trên cơ sở sáp nhập với Xí nghiệp xây dựng Cầu đường Ninh Bình.
- + Tháng 4/1992 là Công ty Công trình Giao thông Nam Hà.
- + Tháng 1/1997 là Công ty Công trình Giao thông Nam Định.
- + Tháng 11/2000 Công ty tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty cổ phần xây dựng giao thông và cơ sở hạ tầng Nam Định.
- + Ngày 01/01/2002 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thành Công.
- + Ngày 11/11/2003, Công ty sát nhập và trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD).
- + Ngày 15/12/2003 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thành Công.
- + Ngày 26/12/2007 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco, được Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2.2. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp:

Tháng 11/2000, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của Công ty. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, từ Doanh Nghiệp Nhà Nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần (Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định).

2.3. Quá trình niêm yết và tăng vốn điều lệ của Doanh Nghiệp:

Tháng 4/2008, 5.500.000 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Trung Tâm GDCK Hà Nội HASTC với mã cổ phiếu HUT, khẳng định vị thế của TASCOS trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kể từ khi chuyển đổi sở hữu từ Doanh Nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ Phần đến nay, Công ty đã thực hiện 11 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

Quá trình tăng vốn điều lệ:

(Đơn vị: Triệu đồng)

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Khi cổ phần hoá	7.000		
Lần 1 (4/2003)	10.000	3.000	Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.
Lần 2 (4/2003)	16.000	6.000	- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. - Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.
Lần 3 (6/2007- 8/2007)	55.000	39.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP.HCM; - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con.
Lần 4 (12/2009)	135.000	80.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho cổ đông chiến lược. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con.
Lần 5 (3/2010)	350.000	215.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho cổ đông chiến lược; + Phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên văn phòng Công ty. - Đấu giá ra bên ngoài.
Lần 6 (5/2013)	419.970	69.970	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 và năm 2012.
Lần 7 (6/2013)	646.474	226.504	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi (HUT-CB 2012) phát hành năm 2012 thành cổ phiếu
Lần 8 (1/2014)	846.474	200.000	- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
Lần 9 (12/2014)	946.474	100.000	- Thực hiện chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Lần 10 (04/2015)	1.146.474	200.000	- Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
Lần 11 (06/2015)	1.284.047	137.572	- Trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu

2.4. Các sự kiện khác:

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống hơn 45 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Bằng năng lực và tính chuyên nghiệp cao, Công ty đã tạo lập và xây dựng thương hiệu TASCO trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản với một số thành tựu tiêu biểu sau:

- + Cờ khen thưởng của Chính phủ, tặng cho TASCO – đơn vị xuất sắc năm 2008
- + Cờ khen thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2006
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007
- + Siêu cúp Thương hiệu mạnh và Phát triển bền vững
- + Cúp vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải đồng bằng Bắc bộ
- + UBND Thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua cho Công ty cổ phần Tasco - Đơn vị xuất sắc năm 2010.
- + Cúp “Thánh Gióng” cho doanh nhân tiêu biểu, ông Phạm Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty CP TASCO.
- + Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng 3 năm 2011 vì những công hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác.
- + Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco là 1 trong 24 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng E&Y 2011 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam có quá trình phấn đấu bền bỉ, vượt qua khó khăn để thành lập, xây dựng và phát triển đất nước.
- + Và nhiều bằng khen, giải thưởng có giá trị khác, ...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), các công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;

3.2. Địa bàn kinh doanh:

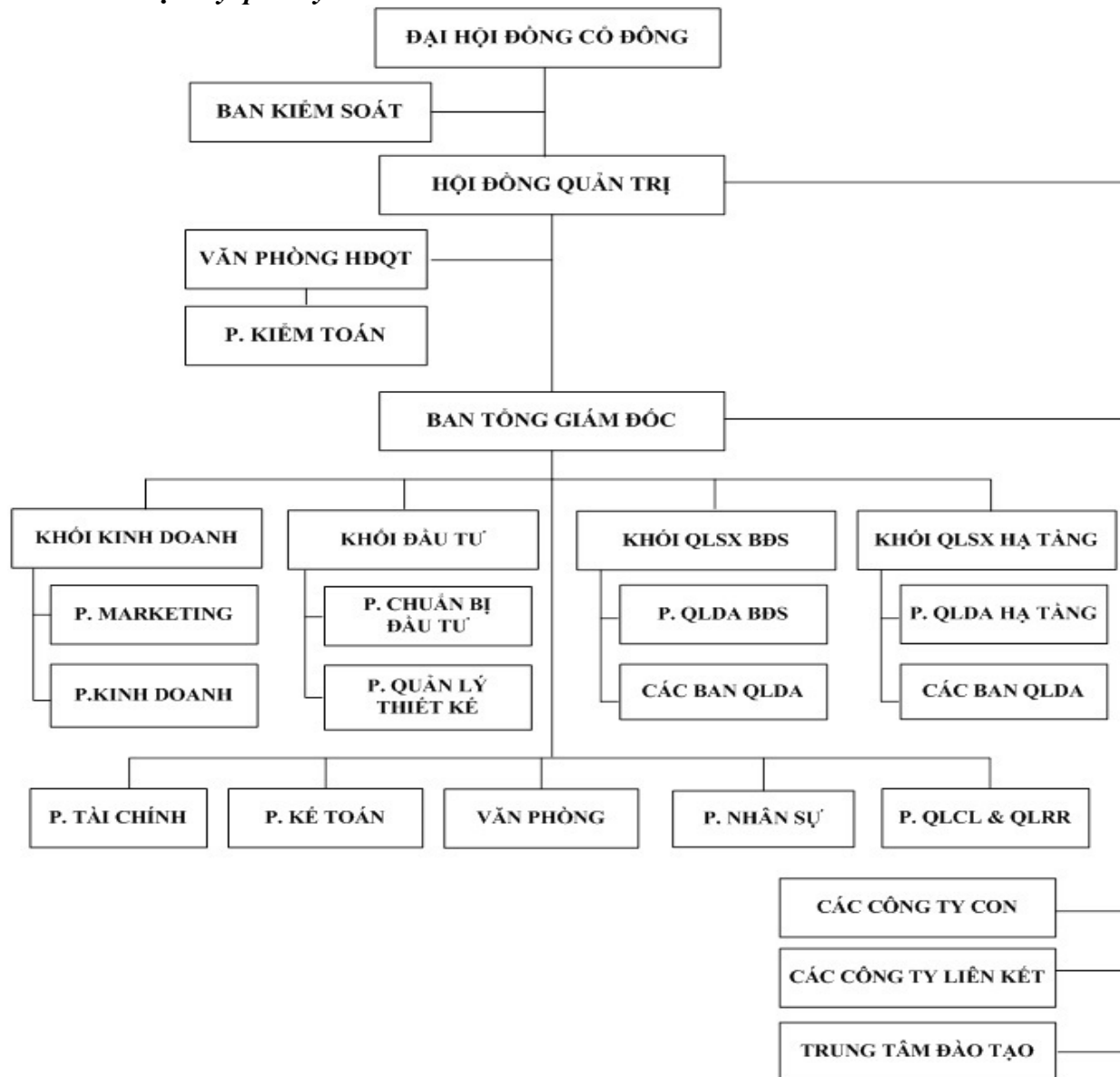
- Trải dài từ Bắc vào Nam qua rất nhiều tỉnh thành phố.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Văn phòng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3. Các Công ty con, Công ty liên kết:

4.3.1. Các Công ty con của TASCOS:

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2015 (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại thời điểm 31/12/2015 (%)
1	Công ty TNHH một thành viên TASCOS 6	50.000.000	100
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	263.376.781.000	51

3	Công ty TNHH một thành viên TASCQ Quảng Bình	311.446.945.616	100
4	Công ty TNHH một thành viên TASCQ Nam Định	343.278.019.183	100
5	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	6.000.000.000	51
6	Công ty Cổ phần VETC	27.175.709.567	51
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	356.519.528.678	100

a. Công ty TNHH Một thành viên TASCQ 6:

Giấy CNĐKKD: Số 0600542036 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 16/3/2009, thay đổi lần một ngày 17/11/2009, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/7/2012.

Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 03503. 861 546

Fax: 03503. 861 511

Ngành nghề kinh doanh: - Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ;
 - Quản lý duy tu đường bộ;
 - Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;
 - Khai thác kinh doanh quảng cáo;
 - Mua bán, ương trồng cây xanh đô thị.

b. Công ty Cổ phần TASCQ Nam Thái:

Giấy CNĐKKD: Số 0600454929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần 1 ngày 7/8/2008, cấp thay đổi lần 6 ngày 14/9/2012.

Địa chỉ: Số nhà 20, ngõ 209, đường Trần Thái Tông, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 036 3658 677

Ngành nghề kinh doanh: - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - Xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, giao thông công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
 - Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
 - Cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
 - Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị;
 - Đầu tư xây dựng các công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
 - San lấp mặt bằng;

- Tư vấn quản lý dự án, kiểm định chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát các công trình giao thông;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đầu giá, sàn giao dịch bất động sản).

c. Công ty TNHH Một thành viên TASCOS Quảng Bình:

- Giấy CNĐKKD: Số 3100959525 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/5/2013, thay đổi lần một ngày 25/7/2013.
- Địa chỉ: Số 5 Quang Trung, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 052 3 817 555
- Fax: 052 3 817 177
- Ngành nghề kinh doanh: - Xây dựng công trình đường bộ;
 - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Khai thác kinh doanh quảng cáo;
 - Chuẩn bị mặt bằng;
 - Mua bán ươm trồng cây xanh đô thị;
 - Kinh doanh và khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ.

d. Công ty TNHH MTV TASCOS Nam Định:

- Giấy CNĐKKD: Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định được tách ra từ Công ty CP Xây dựng Tasco theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0600642753 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần một ngày 16/7/2009, thay đổi lần 6 ngày 20/11/2013.
- Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Điện thoại: 0350.3843732
- Ngành nghề kinh doanh: - Tư vấn giám sát công trình giao thông, thủy lợi; tư vấn quản lý dự án;- Xây dựng nhà các loại;
 - Đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
 - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng;
 - Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
 - San lấp mặt bằng;
 - Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt hệ thống điện;
 - Thử nghiệm kiểm tra chất lượng công trình xây dựng, kiểm định chất lượng công trình;
 - Cho thuê máy móc thiết bị.

e. Công ty Cổ phần TASCOT Thành Công:

Giấy CNĐKKD: Số 0106259517 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/8/2013.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04 3773 8558

Fax: 04.3773 8559

Ngành nghề kinh doanh: - Khai thác đá, cát, sỏi
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn sắt, thép xây dựng
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng

f. Công ty Cổ phần VETC:

Giấy CNĐKKD: 0106858609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 8 năm 2015

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: - Công ty cổ phần VETC là đơn vị được thành lập với mục đích triển khai dự án xây dựng Trạm thu phí tự động không dừng, ngoài ra VETC còn kiêm các ngành nghề dưới đây.
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.....

g. Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng:

Giấy CNĐKKD: 0201632182 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ: Số 4 Đường Hà Nội, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao...

4.3.2. Các Công ty liên kết của TASC0:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2015 (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Tasco tại thời điểm 31/12/2015 (%)
1	CTCP Bất động sản Thái An	25.019.950.000	30
2	Công ty CP TASC0 Thăng Long	4.237.400.000	30
3	Công ty CP D-tech	10.000.000.000	20
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	419.080.000.000	35,4
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	222.580.000.000	30

a. Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An (Tên cũ: Công ty CP TASC0 Xuân Ngọc):

Giấy CNĐKKD: Số 0104349719 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/12/2009 và thay đổi lần 4 ngày 18/05/2011.

Địa chỉ: B1-24 Đường Lê Đức Thọ, Xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: - Xây dựng các loại nhà;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Sản xuất bê tông đúc sẵn và các sản phẩm từ xi măng; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cửa đường hầm, công trình thể thao ngoài trời, các cơ sở hạ tầng công; Thi công xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng; kinh doanh bất động sản.

b. Công ty Cổ phần TASC0 Thăng Long:

Giấy CNĐKKD: Số 0104328839 (Số cũ 0103043065) do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 23/7/2010

Địa chỉ: Số 64, nhà TT4, Khu đô thị Sông Đà - Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản;

c. Công ty Cổ phần D – Tech:

- Giấy CNĐKKD: Số 0104822759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/7/2010, thay đổi lần hai ngày 16/9/2011
- Địa chỉ: Số nhà 5C khu A3, tập thể Đại học mở địa chất, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh:
- Bán đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
 - Bán buôn vật tư thiết bị ngành cầu đường;
 - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe taxi,...
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác như: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; thử độ ẩm và các công việc thử nước; chống ẩm các tòa nhà; chôn chân trụ; dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; uốn thép; xây gạch và đặt đá; lợp mái bao phủ tòa nhà; dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Chuẩn bị mặt bằng;
 - Phá dỡ công trình xây dựng;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng như: Xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng công trình cửa, xây dựng đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Xây dựng nhà các loại

d. Tổng Công ty Thăng Long – CTCP:

- Giấy CNĐKKD: 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
- Địa chỉ: Số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

e. Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ:

Giấy CNĐKKD: 2600940457 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 26/5/2015

Địa chỉ: Khu 12, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

Ngành nghề kinh doanh: -Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - Quảng cáo: Khai thác kinh doanh quảng cáo;
 - Bán buôn hoa và cây: mua bán ươm trồng cây xanh đô thị;
 - Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

5. Định hướng phát triển:

Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

• **Tầm nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

• **Sứ mệnh**

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

• **Giá trị cốt lõi**

Cam kết: Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, cộng sự, cộng đồng địa phương và môi trường.

Hợp tác: Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

Tôn trọng: TASCOS luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

Sáng tạo: Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

Học tập: Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

Chiến lược phát triển:

Để bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, Công ty đã thực hiện điều chỉnh chiến lược kinh doanh và kiện toàn tổ chức bộ máy phù hợp với việc dịch chuyển sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản:

- + Sản phẩm bất động sản nhà ở: Tập trung vào các dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, Dự án tòa nhà Văn phòng và chung cư số 48 Trần Duy Hưng, Dự án Nhà ở báo nhân dân và VPTW Đảng, Dự án Đơn vị ở số 1... và một số dự án khác thông qua hình thức đối đất lấy hạ tầng, các dự án thông qua đấu giá đất, góp vốn liên doanh liên kết, M&A.

- + Sản phẩm hạ tầng giao thông: Thực hiện tiếp các dự án hạ tầng giao thông đã ký theo hình thức BOT/BT như dự án: BOT QL10 Hải Phòng, BOT tuyến tránh Đông Hưng, dự án BT Lê Đức Thọ đồng thời tập trung phát triển các dự án theo hình thức BT hoàn vốn bằng kinh doanh các khu đô thị như dự án BT đường 70,...

- + Sản phẩm bất động sản bệnh viện: Hợp tác với các bệnh viện công trên địa bàn Hà Nội để thực hiện đầu tư.

- + Đầu tư hệ thống để thực hiện dịch vụ thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc theo hình thức hợp đồng BOO: Tập trung đầu tư vào các trạm thu phí trên QL1, QL14, một số QL khác và đường cao tốc trên toàn quốc.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

6.1.1. Rủi ro tốc độ tăng trưởng kinh tế:

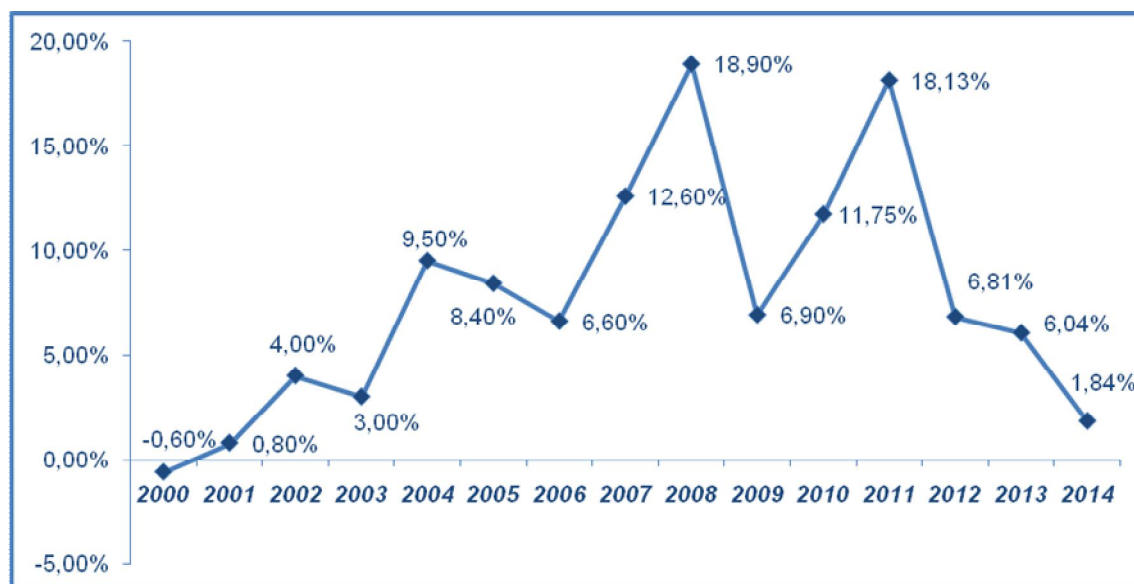
Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Trong bối cảnh kinh tế Thế giới đang trên đà phục hồi, với nhiều màu sắc và tốc độ khác nhau. Các tổ chức tài chính quốc tế cũng liên tục đưa các điều chỉnh “giảm” đối với tốc độ tăng trưởng của kinh tế Thế giới và hầu hết các nước. Nền kinh tế của Hoa Kỳ và Tây Âu khôi phục không vững chắc, trong đó Hoa Kỳ đang tăng trưởng chậm lại. Kinh tế Trung Quốc cũng đang bước vào thời kỳ điều chỉnh mang tính chiến lược một cách quyết đoán (giảm tốc độ tăng trưởng về quanh 7% từ mức trên 10%, nhưng tăng cường nhu cầu trong nước, đẩy mạnh đổi mới KHCN, điều chỉnh tỷ giá linh hoạt hơn trong xu hướng quốc tế hóa đồng nhân dân tệ). Trong những tháng cuối năm 2015, Thế giới đang chứng kiến các sự kiện mất ổn định mới, làm

tăng lên nổi lo ngại ảnh hưởng xấu đến bức tranh chung của kinh tế thế giới trong trung hạn. Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn nằm trong số ít quốc gia có tốc độ phục hồi ấn tượng. Theo Tổng cục Thống kê (GSO), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 của Việt Nam ước tính tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét.

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản nói riêng, trong đó có Công ty Cổ phần Tasco.

6.2. Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn chịu sức ép của việc lạm phát gia tăng nhanh, hệ quả của sự phát triển nóng của nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2014 cụ thể như sau:



Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2003, nền kinh tế Việt Nam nằm trong giai đoạn thiếu phát, CPI thấp và tăng trưởng chậm. Trong khi đó, giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2012 là thời kỳ lạm phát cao trở lại, tăng giảm theo chu kỳ: cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 chỉ tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 chỉ tăng 6,52%. Tương tự, tỷ lệ lạm phát các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 tương ứng là 11,75%, 18,13%, 6,81%, 6,04 và 1,84%

Kết thúc năm 2015, tỷ lệ lạm phát cả nước tiếp tục được kiểm soát tốt khi chỉ tăng ở mức 0.63% so với năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Tasco nói riêng.

6.3. Rủi ro về lãi suất:

Bên cạnh mục tiêu hàng đầu là ổn định nền kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát, điều hành của Chính phủ cũng hướng đến tăng trưởng kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện nay, Chính phủ đã có những điều hành chính sách để các

doanh nghiệp tiếp cận được với các nguồn vốn lãi suất thấp để doanh nghiệp có thể đầu tư mở rộng sản xuất, giải phóng hàng tồn kho, tăng tổng cầu cho nền kinh tế. Với đặc thù của kinh tế Việt Nam là vốn cho sản xuất kinh doanh phần lớn là từ vốn tín dụng ngân hàng nên sự biến động của lãi suất có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động đầu tư kinh doanh và hiệu quả của các doanh nghiệp.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro về lãi suất, Công ty đã có sự chủ động và điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành và sử dụng nguồn vốn. Dự kiến trong thời gian tới, cùng với sự ổn định của kinh tế vĩ mô kéo theo mặt bằng lãi suất cho vay giảm dần, do đó, những tác động bất lợi của lãi suất tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ giảm bớt

6.4. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Tasco chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, các văn bản dưới luật như Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về Đầu tư tư hợp tác công tư.... Mặt khác, do đã là công ty đại chúng và có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như TASCOS nói riêng. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

6.5. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh của Công ty hiện đang thực hiện ở hai lĩnh vực chính là đầu tư hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

- **Rủi ro chính sách:** Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách đầu tư công cho cơ sở hạ tầng và khả năng của Công ty trúng thầu trong các dự án đầu tư, trong khi đó chi đầu tư công cho cơ sở hạ tầng lại phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế Việt Nam. Khi chi đầu tư công giảm do nền kinh tế suy thoái, chính sách chi tiêu của Chính phủ hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro cạnh tranh:** Lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty không những phải cạnh tranh với các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng lớn trong nước như Cienco 4, Tổng Công ty 319, CII... Mức độ cạnh tranh cao có thể làm giảm tỉ suất lợi nhuận trong ngành và có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro về vốn và thanh toán:** Là doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao

thông và kinh doanh bất động sản các dự án hoàn thành có thể bị chậm thanh toán, hệ quả là Công ty phải duy trì hệ số nợ ở mức cao. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản.

Đối với các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng dự án BOT trong đó Công ty được giao vận hành các dự án sau khi hoàn thành để tạo nguồn thu bù đắp chi phí và tạo lợi nhuận. Ở các hợp đồng này, thời gian thực hiện dự án (tính đến thời điểm thu hồi vốn đầu tư) là khá dài. Nguồn thu từ các dự án BOT được thực hiện trong nhiều năm và phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như lưu lượng giao thông, mức phí giao thông được phép thu, thuế và các chính sách liên quan;

Đối với các dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng dự án BT (đổi đất lấy hạ tầng) phụ thuộc vào tình hình thị trường bất động sản, tiến độ thực hiện quy hoạch chung của toàn khu đô thị mới, các điều khoản thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ phát và rất nhiều các yếu tố liên quan khác. Chính sự phức tạp trong việc thực hiện dự án trên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hay cách khác là ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong tương lai Công ty có thể gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo yêu cầu về vốn. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu này, khả năng trúng thầu sẽ thấp và có thể gây ảnh hưởng đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

- **Rủi ro về nguyên vật liệu:** Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Tình hình biến động giá cả và nguồn cung cấp các nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty như nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... đều ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.6. Rủi ro trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản

- **Rủi ro pháp lý dự án:** Công ty có thể gặp rủi ro không thực hiện được dự án theo đúng tiến độ hoặc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến.

- **Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng:** Đây là đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Tại địa bàn Hà Nội, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang được sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước thường được điều chỉnh. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư và doanh thu của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

- **Rủi ro về thị trường:** Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài. Mặc dù theo quy định, sau khi các dự án đã hoàn thành cơ sở hạ tầng, chủ đầu tư có thể huy động vốn từ người mua, tuy nhiên thành công của việc huy động này phụ thuộc rất nhiều vào thị trường bất động sản. Nếu việc huy động không đạt được mức vốn cần thiết, chủ đầu tư phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn vay dài. Như vậy, Công ty trong vai trò là chủ đầu tư có thể phải đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2014	NĂM 2015			
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	So với năm 2014 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.762	2.316	2.246	100,13%	81,32%
	<i>Xây lắp, Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.749</i>	<i>2.213</i>	<i>1.929</i>	<i>87,17%</i>	<i>70,17%</i>
	<i>Bất động sản</i>	<i>13</i>	<i>103</i>	<i>317</i>	<i>307,77%</i>	<i>2.438,46%</i>
2	Lợi nhuận sau thuế	257,75	145	160,17	110,46%	62,14%

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 đạt 1.929 tỷ đồng, đạt 100,26% so với kế hoạch năm và bằng 70,17% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế đạt 160,17 tỷ đồng, đạt 110,46% so với kế hoạch năm và bằng 62,14% so với năm 2014.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2015 giảm so với năm 2014 do: Năm 2014, công ty đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng dự án tuyến đường bộ mới Phủ Lý-Mỹ Lộc theo hình thức Hợp đồng BT với tổng mức đầu tư là 3.800 tỷ đồng, lợi nhuận của Nhà đầu tư tại dự án là 14%/TMĐT (không bao gồm lãi vay); Năm 2015 công ty đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng dự án cải tạo nâng cấp đường 39 Thái Bình với tổng mức đầu tư trên 1.800 tỷ đồng và lợi nhuận của Nhà đầu tư tại dự án là 14%/TMĐT (không bao gồm lãi vay).

Ngoài ra doanh thu từ hoạt động xây lắp trong năm 2015 giảm so với năm 2014 do định hướng chiến lược của công ty tập trung đầu tư vào các dự án đầu tư hạ tầng giao thông và các dự án bất động sản, các công trình xây lắp mới sẽ được dịch chuyển sang Tổng công ty Thăng Long-CTCP để thực hiện.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1.1. Ông Hoàng Hà Phương

Chức vụ hiện tại : Tổng Giám đốc
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 04/07/1979
 Nơi sinh : Hà Nam
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thanh Phong, Thanh Liêm, Hà Nam
 Chứng minh nhân dân: 013309374 do CA Hà Nội cấp ngày 01/06/2010
 Địa chỉ thường trú : Tổ 7 Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
 Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2002-11/2002	Ban quản lý dự án giao thông Hà Nam	Giám sát viên
01/2003-07/2007	Phó ban chỉ huy công trường	Công ty Cầu 12
08/2007-02/2008	Ban quản lý Làng văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam	Chuyên viên
03/2008 – 22/05/2010	Công ty CP Tasco	Nhân viên dự án
22/05/2010 - 16/01/2012	Công ty CP Tasco	Giám đốc Ban QLDA phát triển Nhà
17/01/2012 – 25/03/2012	Công ty CP Tasco	Trưởng ban QLDA Nhà
26/03/2012 – 05/2013	Công ty CP Tasco	Phó phòng QLDA
5/2013 – 12/2014	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Phó Giám đốc
05/12/2014 – 11/04/2015	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Giám đốc Công ty
12/04/2015 – nay	Công ty CP Tasco	Tổng Giám Đốc

2.1.2. Ông Trịnh Xuân Nam

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 22/04/1971
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 163118381
 Địa chỉ thường trú : P.1206 - Chung cư Sakura - 47 Vũ Trọng Phụng - P. Thanh Xuân Trung - Q. Thanh Xuân
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng cầu đường
 Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 - 1997	Công ty Công trình giao thông 124	Cán bộ kỹ thuật
1997 - 2008	Công ty xây lắp 386 - Binh đoàn 11	Phó giám đốc
2008 - 2010	Công ty Cổ phần Tasco chi nhánh Nam Định	Nhân viên giám sát
04/2010 – 07/2010	Công ty Cổ phần xây dựng Tasco	Phó giám đốc Ban QLDA

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
7/2010 – 11/2013	Công ty Cổ phần xây dựng Tasco	Giám đốc Ban QLDA 21
11/2013 – 06/2014	Công ty TNHH Một thành viên Tasco Nam	Phó Giám đốc
06/2014 – 11/2014	Công ty TNHH Một thành viên Tasco Nam	Giám đốc
11/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc

2.1.3. Ông Nguyễn Đình Siêu:

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 23/06/1970
 Nơi sinh : Gia Lâm, Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hà Nội
 Chứng minh nhân dân : 011500750
 Địa chỉ thường trú : Số 48, Ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
 Số cổ phần nắm giữ : 67.200 cổ phần
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997 - 2000	Công ty LD Quốc tế Hồ Tây	Giám sát CĐT
2002-2007	Công ty CP Thương Mại Đầu tư tổng hợp và hợp tác Quốc tế GELEXIM	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
2007-12/2009	Công ty CP tập đoàn công nghệ CMC	Trưởng ban QLDA Tòa nhà Tri thức
01/2010 – 02/2010	Công ty CP Tasco	Nhân viên phòng quản lý dự án
03/2010 – 23/12/2010	Công ty CP Tasco	Giám đốc Ban QLDA Nhà Tasco
24/12/2010 – 21/07/2011	Công ty CP Tasco	GD Phòng QLDA phát triển Nhà
22/07/2011 – 26/03/2012	Công ty CP Tasco	Phó tổng giám đốc phát triển Nhà
27/03/2012 – 26/09/2012	Công ty CP Tasco	Phó tổng giám đốc phát triển Nhà
27/09/2012 – 06/06/2014	Công ty CP Tasco	Phó ban QLDA phát triển Nhà

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/06/2014 – 30/06/2015	Công ty CP Tasco	Trưởng Ban QLDA phát triển Nhà
01/01/2015 - Nay	Công ty CP Tasco	Phó Tổng Giám Đốc

2.1.4. Ông Trương Văn Thịnh:

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 27/4/1976
 Nơi sinh : Vũ Thư – Thái Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thái Bình
 Chứng minh nhân dân : 013202935
 Địa chỉ thường trú : Tổ 24 - Phường Định Công - Hoàng Mai - Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế Xây Dựng
 Số cổ phần nắm giữ : 5.600 cổ phần
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2001 đến 2007	Công ty 56_ Bộ Quốc Phòng	Trợ lý kế hoạch
2007-2008	Công ty Tasco.	Nhân viên phòng Dự án
2008 đến 2009	Công ty Tasco	Tổ trưởng tổ đầu tư BĐS
2009 đến 2010	Công ty Tasco	Trưởng phòng Dự án
2010 đến 2012	Công ty Tasco	Phó giám đốc Ban dự án Xuân Ngọc
2012 đến 12/2014	Công ty CP BĐS Thái An	Giám đốc
12/2014 đến 6/2015	Công ty Tasco	Giám đốc ban triển khai Bệnh viện
6/2015 – 12/2015	Công ty Tasco	Trợ lý Tổng giám đốc
12/2015 đến nay	Công ty Tasco	Phó Tổng giám đốc

2.1.5. Kế toán trưởng: Trần Thị Thanh

Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 14/06/1984
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162473689 do CA Nam Định cấp ngày 6/06/2000
 Địa chỉ thường trú : SN 25, 14/31 Pháo Đài Láng, Đống Đa HN
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính – Ngành kế toán
 Số cổ phần nắm giữ : 5.420 cổ phần
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2007 - 03/2008	Công ty TNHH Minh Trí	Kế toán thanh toán
04/2008 - 06/2015	Công ty CP Tasco	Kế toán tổng hợp và giá thành
7/2015 - nay	Công ty CP Tasco	Kế toán trưởng

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Vũ Quang Lâm: Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc ngày 10/4/2015.
 Ông Hoàng Hà Phương: Bỏ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc ngày 10/4/2015.
 Bà Lê Thị Ngọc: Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng ngày 01/7/2015.
 Bỏ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán ngày 16/7/2015.
 Bà Trần Thị Thanh: Bỏ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng ngày 01/7/2015.
 Ông Nguyễn Đình Siêu: Bỏ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ngày 11/8/2015.
 Ông Trương Văn Thịnh: Miễn nhiệm chức vụ giám đốc kinh doanh ngày 31/8/2015.
 Bỏ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ngày 21/12/2015.

- Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 16/7/2015 về việc ban hành sơ đồ tổ chức công ty.
- Quyết định số 24A/QĐ-HĐQT ngày 26/11/2015 về việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

2.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2015 là 126 người, trong đó:

- Phân theo trình độ:
 - + Trên đại học : 6
 - + Đại học : 103
 - + Cao đẳng, trung cấp : 1
 - + Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 16
- Phân theo chức năng :
 - + Lao động gián tiếp : 13
 - + Lao động trực tiếp : 113

2.3.2. Chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, giám định sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...

- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...

- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, đội trưởng/ chủ nhiệm công trình và công nhân. Điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư chủ yếu:

STT	Dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
I	Các Dự án hạ tầng giao thông		
1	BOT 10	594	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; Đến 31/12/2015: giá trị lũy kế đầu tư vào dự án đạt: 603,678 tỷ đồng
2	BOT 21	487	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác; Đến 31/12/2015: giá trị lũy kế đầu tư vào dự án đạt: 478,869 tỷ đồng
3	BOT QL10 đoạn cầu Quán Toan đến Cầu Nghìn, Hải Phòng	2.815	Tính đến hết 31/12/2015, dự án giải phóng mặt bằng được 24/30,55 Km, phần đấu giải phóng mặt bằng xong toàn bộ dự án trước 30/6/2016 Dự án đã thi công được nhiều đoạn cấp phối đá dăm loại 2, thi công lớp K98, K95, Dự kiến hoàn thành, thông xe và bắt đầu thu phí trong tháng 7/2017

STT	Dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
			Phần đầu hoàn thành toàn bộ dự án trước 6 tháng so với quy định trong HĐ BOT đã ký với bộ GTVT. Giá trị thực hiện dự án đến 31/12/2015 đạt: 222,306 tỷ đồng
4	BOT Quảng Bình	2.005	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác trước 07 tháng so với Hợp đồng BOT đã ký với Bộ Giao thông Vận tải. Đến 31/12/2015: giá trị lũy kế đầu tư vào dự án đạt: 1.652 tỷ đồng
5	BOT 39 Thái Bình	550	Sẽ bàn giao và đưa vào khai thác trong quý II/2016. Giá trị thực hiện dự án đến 31/12/2015 đạt: 248,54 tỷ đồng
6	BOT Đông Hưng	433	Đây là tiểu dự án của BOT 10, hiện đã được Bộ GTVT phê duyệt với tổng mức 434,207 tỷ đồng Dự án đã khởi công trong tháng 11/2015, hiện đang triển khai GPMB, dự kiến thi công xong và đưa vào khai thác trước tháng 7/2017.
7	BT 21	3.800	Đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Đã thực hiện quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan nhà nước thanh toán trong năm 2015 là 300 tỷ đồng, toàn bộ công nợ còn lại là 66 tỷ đồng dự kiến sẽ được thanh toán trong năm 2017.
8	BT 39	1.882	Đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2015. Dự kiến quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm 2016. Dự kiến trong năm 2016 cơ quan Nhà nước sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư là 184 tỷ đồng ; phần còn lại sẽ thanh toán trong năm 2017, 2018 .
9	BT Lê Đức Thọ	1.543	Cơ bản đã hoàn thiện công tác GPMB, dự kiến 31/5/2016 giải phóng xong toàn tuyến. Tiến độ xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> - Đã đưa vào sử dụng 800m tuyến đường - Đoạn cầu Xuân phương đã thi công xong mặt cầu và lắp đặt lan can, đã thi công xong lớp bê tông nhựa thô, cống dọc, cống hộp, rọ đá và đắp cát nền đường đến đỉnh K95 nhiều đoạn trên tuyến - Đang triển khai thi công đoạn nút giao đường sắt. - Tiến độ đến 31/12/2016 xong toàn bộ dự án Giá trị thực hiện dự án đến 31/12/2015 đạt: 485,62 tỷ đồng

STT	Dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
II Các dự án Bất động sản			
1	DA tòa nhà Pháp Vân	211	Dự án đang được triển khai thi công trong năm 2015; Đã thi công xong phần hầm, hiện đang thi công phần thân. Theo tiến độ sẽ hoàn thiện phần thô và cốt nóc trong tháng 10/2016 Bàn giao nhà cho khách hàng trong Q1/2017. Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2015 đạt: 41,067 tỷ đồng
2	DA Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	2.800	Đã đền bù và GPMB xong; Tiến độ xây dựng: - Dự án sẽ hoàn thành toàn bộ hạ tầng trong Quý II/2016; - Hiện đã triển khai thi công công cọc đại trà của dự án, đến hết tháng 12/2015 đã thi công xong móng 96 căn và sẽ hoàn thành bàn giao toàn bộ cho khách hàng trong tháng 11/2016. Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2015 đạt 537,53 tỷ đồng.
3	DA Khu nhà ở cho CBNV Văn phòng Trung ương Đảng và Báo nhân dân	1.112	Đã đền bù và GPMB xong; Tiến độ xây dựng: - Lô 3 (phần cao tầng VPTW Đảng, gồm tòa E, F cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco là 4 tầng mỗi tòa, từ tầng 14-17) đã thi công xong toàn bộ cọc đại trà, hiện đang triển khai phần ngầm và phần thân của tòa nhà, dự kiến sẽ bàn giao cho khách hàng đầu năm 2017. - Lô 1, 2 (phần cao tầng Báo nhân dân, gồm 3 tòa A, B, C, D cao 17 tầng và 1 tầng hầm; trong đó phần của Tasco là 4 tầng mỗi tòa, từ tầng 14-17) đã thi công xong cọc thí nghiệm, đang thi công cọc đại trà, dự kiến sẽ bàn giao cho khách hàng trong năm 2017. Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2015 đạt 46,520 tỷ đồng
III Đầu tư tài chính			
1	Công ty thực hiện góp vốn vào Tổng Công ty Thăng Long – CTCP với số tiền: 132,825. tỷ đồng.		
2	Công ty đã góp vốn liên danh vào Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ để thực hiện dự án BOT quốc lộ 32 (Phú Thọ) với giá trị: 69 tỷ đồng.		

3.2. Các Công ty con:

Năm 2015, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT và người đại diện vốn tại các doanh nghiệp cũng như nỗ lực của các Công ty con, Công ty liên kết, các Công ty cũng đã đạt được những kết quả như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
A	Công ty con				
1	Công ty TNHH một thành viên TASCO 6	883.261	160.705	8.295	6.469
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	781.967	1.058.427	74.777	58.326
3	Công ty TNHH một thành viên TASCO Quảng Bình	1.870.497	60.213	16.982	16.982
4	Công ty TNHH một thành viên TASCO Nam Định	440.071	-12.646	-14.503	-11.312
5	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	71.220	169.824	1.379	1.058
6	Công ty Cổ phần VETC Việt Nam	29.598	0	9	7
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	559.221	0	0	0
B	Công ty liên kết				
1	CTCP Bất động sản Thái An	178.564	261	-292	-292
2	Công ty CP TASCO Thăng Long	4.300	0	0	0
3	Công ty CP D-tech	15.189	0	-9	-9
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	1.698.451	2.155.694	74.419	58.712
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	366.099	0	0	0

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	6.213.337	7.086.351	14.05%
Doanh thu thuần	2.762.400	2.245.500	-18.72%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	338.795	196.002	-42.15%
Lợi nhuận khác	(4.703)	791	694,56%

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Lợi nhuận trước thuế	334.092	196.793	-41.11%
Lợi nhuận sau thuế	257.750	160.165	-37.86%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%	12%	-

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty đã tổ chức họp Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2015 và thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2015 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 7%.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,8	2,72	
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,74	2,64	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,79	0,76	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,68	3,11	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	39,29	34,09	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,44	0,32	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	9,33%	7,13%	
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	19,41%	9,30%	
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	4,15%	2,26%	
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	12,26%	8,73%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần: 128.404.733 cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành vào ngày 31/12/2015:

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	108.404.733
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	20.000.000
	Tổng cộng	128.404.733

5.2. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 27/11/2015)

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	34.801.281	27,10%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	93.603.452	72,90%

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	29.890.343	23,28%
2	Cổ đông là cá nhân	98.514.390	76,72%

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	102.170.952	79,57%
2	Cổ đông ngoài nước	26.233.781	20,43%

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	128.404.733	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Tháng 04/2015	1.146.474	200.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
Tháng 06/2015	1.284.047	137.572	Trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác:

Số trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2015:

STT	Loại trái phiếu	Số lượng TP lưu hành
1	Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu	500.000
2	Trái phiếu không thể chuyển đổi	-
	Tổng cộng	500.000

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nội dung này đã được trình bày trong Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Mục I phần II.

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2014
Tổng tài sản	7.086.351	6.213.337
Tài sản ngắn hạn	1.975.191	1.966.981
Tài sản dài hạn	5.111.160	4.246.356
Tổng nguồn vốn	7.086.351	6.213.337
Nợ phải trả	5.363.935	4.885.559

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty năm 2015 so với năm 2014 tăng 873,014 tỷ đồng, tương đương 14,05%. Trong đó, tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là do Công ty thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BT và BOT như: Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70, dự án BOT quốc lộ 10, BOT Hải Phòng, khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, dự án khu nhà cho CBNV Văn phòng trung ương Đảng và Báo nhân dân, dự án tòa nhà Pháp Vân,... và đầu tư vào tài sản cố định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Xây dựng, thay đổi sơ đồ bộ máy tổ chức phù hợp với tình hình phát triển hiện tại của công ty. Bên cạnh đó, phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hơn nữa và vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống Mục tiêu BSC trong toàn Công ty gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.

- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.

- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Sửa đổi và hoàn thành Bộ tiêu chí năng lực cốt lõi cho từng vị trí; hệ thống chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc nhằm tăng hiệu quả trong công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty.

- Công ty tiếp tục triển khai dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông.

- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Chú trọng vào đào tạo hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007
- Tổ chức hoạt động KAIZEN – QCC với hình thức KAIZEN Nhóm để nâng cao và phát huy tinh thần cải tiến, sáng kiến trong toàn thể CBNV Công ty và phát triển văn hóa sáng tạo, nâng cao năng suất lao động toàn công ty;
- Ban hành các quy định về an toàn lao động, tổ chức công trường, 5S công trường và tổ chức thường xuyên liên tục công tác kiểm tra đánh giá toàn bộ các dự án của Công ty;
- Công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Từ năm 2009, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Là một doanh nghiệp mới trong ngành, nhưng Công ty cũng đã nhanh chóng vươn lên thành một doanh nghiệp có vị thế tại thị trường bất động sản tại Hà Nội. Các dự án mà Tasco tham gia đều có vị trí tương đối thuận lợi tại các quận mới của Hà Nội và dự kiến sẽ mang lại khoản lợi nhuận đáng kể cho Công ty với sự hỗ trợ mạnh từ ngành xây lắp truyền thống.

Theo Chiến lược đô thị hóa của Nhà nước, nhu cầu xây dựng nhà ở đến năm 2020 phải đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân là 18-20m²/người theo các chương trình phát triển nhà nhằm cung cấp các loại nhà ở phù hợp với các đối tượng xã hội có nhu cầu và mức thu nhập khác nhau. Xây dựng các công trình phục vụ công cộng, bảo đảm dành từ 3-5m² đất/người, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân ở từng đô thị, dành 5% quỹ đất đô thị cho xây dựng công trình phục vụ công cộng. Theo xu hướng trên, nhu cầu về nhà ở của Thủ đô Hà Nội trong những năm tới còn rất lớn, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.

Với sự gia tăng tốc độ đô thị hoá như trên, ngành bất động sản được dự báo là có nhiều tiềm năng phát triển. Đặc biệt từ cuối năm 2013, thị trường bất động sản đang có tín hiệu phục hồi và tăng trưởng tốt ở phân khúc nhà ở dành cho người có thu nhập thấp và trung bình.

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng thương hiệu Công ty, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hoá Tasco, xây dựng Tasco là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.
- Cơ cấu tổ chức: Hoạt động của Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đối với các dự án lớn Công ty sẽ góp vốn thành lập công ty con để thực hiện dự án này.
- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Tất cả để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

- Định hướng phát triển của Công ty nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

Theo định hướng chiến lược 2016 – 2018, định hướng chiến lược của công ty tập trung vào các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, dự án bất động sản, các công trình xây lắp mới sẽ được chuyển sang Tổng công ty Thăng Long để thực hiện;

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện và hoàn thành đưa vào khai thác các công trình dự án hạ tầng giao thông và bất động sản hiện có, Công ty luôn chủ động làm việc với các cơ quan chức năng, hợp tác với các đối tác tiềm năng để có thể tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới. Kế hoạch thực hiện một số dự án đầu tư chủ yếu trong năm 2016 của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Dự án đầu tư	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
A	Các dự án đang thực hiện	
I	Các Dự án hạ tầng giao thông	
1	BOT QL10 đoạn cầu Quán Toan đến Cầu Nghìn, Hải Phòng	Tính đến hết 31/12/2015, dự án giải phóng mặt bằng được 24/30,55 Km, phần đấu giải phóng mặt bằng xong toàn bộ dự án trước 30/6/2016 Dự án đã thi công được nhiều đoạn cấp phối đá dăm loại 2, thi công lớp K98, K95, Dự kiến hoàn thành, thông xe và bắt đầu thu phí trong tháng 7/2017 (trước 6 tháng so với quy định trong HĐ BOT đã ký với bộ GTVT).
2	BOT 39 Thái Bình	Hiện đã triển khai thi công được 80% khối lượng của dự án, dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng và thực hiện thu phí hoàn vốn trong quý 2/2016.
3	BOT Đông Hưng	Đây là tiểu dự án của BOT 10, hiện đã được Bộ GTVT phê duyệt với tổng mức 434,207 tỷ đồng Dự án đã khởi công trong tháng 11/2015, hiện đang triển khai GPMB, dự kiến thi công xong và đưa vào khai thác trước tháng 7/2017.
4	BT Lê Đức Thọ	Cơ bản đã hoàn thiện công tác GPMB, dự kiến 31/5/2016 giải phóng xong toàn tuyến. Tiến độ xây dựng: - Đã đưa vào sử dụng 800m tuyến đường - Đoạn cầu Xuân phương đã thi công xong mặt cầu và lắp đặt lan can, đã thi công xong lớp thảm thô, nhiều đoạn trên duyên - Đang triển khai thi công đoạn nút giao đường sắt. - Tiến độ trước 31/12/2016 xong toàn bộ dự án (không bao gồm cầu vượt đường sắt)

STT	Dự án đầu tư	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
II Các dự án Bất động sản		
1	DA tòa nhà Pháp Vân	<p>Dự án đang được triển khai thi công trong năm 2015; Đã thi công xong phần hầm, hiện đang thi công phần thân. Theo tiến độ sẽ hoàn thiện phần thô và cất nóc trong tháng 10/2016 Bàn giao nhà cho khách hàng trong Q1/2017.</p>
2	DA Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	<p>Đã đền bù và GPMB xong; Tiến độ xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án sẽ hoàn thành toàn bộ hạ tầng trong Quý II/2016; - Dự án hoàn thành toàn bộ công tác xây thô để bàn giao cho khách hàng tháng 11/2016.
3	DA Khu nhà ở cho CBNV Văn phòng Trung ương Đảng và Báo nhân dân	<p>Đã đền bù và GPMB xong; Tiến độ xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lô 3 (phần cao tầng VPTW Đảng, gồm tòa E, F cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco là 4 tầng mỗi tòa, từ tầng 14-17) đã thi công xong toàn bộ cọc đại trà, hiện đang triển khai phần ngầm và phần thân của tòa nhà, dự kiến hoàn thành để bàn giao cho khách hàng quý 1/2017. Lô 1, 2 (phần cao tầng Báo nhân dân, gồm 3 tòa A, B, C, D cao 17 tầng và 1 tầng hầm; trong đó phần của Tasco là 4 tầng mỗi tòa, từ tầng 14-17) đã thi công xong cọc thí nghiệm, đang thi công cọc đại trà. dự kiến thi công xong toàn bộ dự án để bàn giao cho khách hàng trong năm 2017.
B Dự án chuẩn bị đầu tư		
1	BT đường 70	<p>Đang hoàn thiện thủ tục pháp lý Dự kiến triển khai trong năm 2017</p>
2	DA Tòa nhà 48 Trần Duy Hưng	<p>Dự án đang được hoàn thiện thủ tục pháp lý để có thể thực hiện triển khai trong thời gian sớm nhất. Dự kiến thực hiện thi công trong năm 2016.</p>
3	DA Đơn vị ở 1	<p>Đây là một trong những dự án đối ứng của dự án BT Lê Đức Thọ. Công ty đang hoàn thiện thủ tục pháp lý của dự án với cơ quan nhà nước để có thể triển khai thực hiện trong quý 4 năm 2016. Hiện nay đã thực hiện GPMB được 4ha.</p>

STT	Dự án đầu tư	Tình hình triển khai, thực hiện dự án
4	Các dự án bệnh viện	Hiện nay công ty đã và đang làm việc với các bệnh viện công cũng như đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan Nhà nước để triển khai thực hiện trong thời gian sớm nhất.

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: Ngoài số vốn tự có tham gia theo quy định, Công ty còn huy động thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và các nhà đầu tư khác để bổ sung nguồn vốn thực hiện triển khai các dự án.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến chuyển, thay đổi tích cực, HĐQT của Công ty đã đề ra những đường lối, chính sách nhằm xác định mục tiêu trọng tâm, thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự. Do vậy Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh rất ổn định, đạt kế hoạch đề ra.

- Về hoạt động của các tiểu ban: Để giúp việc cho HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành, HĐQT đã thành lập các Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Văn hóa doanh nghiệp. Các tiểu ban này đã phát huy được vai trò của mình.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Trong năm qua, với những biến chuyển tích cực của nền kinh tế nhưng cũng đầy thách thức nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội Đồng Quản Trị.

- Tuy nhiên, Ban TGD cần quan tâm và làm tốt hơn nữa công tác giao việc và ủy quyền cho cấp dưới để giảm tải bớt công việc, tập trung vào công tác quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Đồng thời, Ban TGD cần tập trung nhiều hơn nữa vào công tác đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực của CBNV trong Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2016:

Trong năm 2016, HĐQT Công ty định hướng: chiến lược của công ty tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông, các dự án đầu tư bất động sản, các công trình xây lắp mới sẽ được chuyển sang Tổng công ty Thăng Long để thực hiện, tập trung tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược, các cơ hội đầu tư mới, đảm bảo kế hoạch doanh thu lợi nhuận của công ty, cũng như lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư.

- Các tiểu ban: Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Văn hóa Doanh nghiệp cần bổ sung nhân sự để phát huy hơn nữa vai trò giúp việc cho HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ (Trên cơ sở hoàn thành dự án tư vấn của

KPMG) và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng;

- Vận hành đồng bộ hệ thống đánh giá nhân sự để đảm bảo tính công bằng nhằm nâng cao năng suất lao động và tạo động lực làm việc cho CBNV;

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc xây dựng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp theo lộ trình;

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh;

- Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược, cũng như chính sách đối với cá nhân, tổ chức tư vấn, giới thiệu nhà đầu tư chiến lược.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Tổ chức nhân sự:

Ngày 28/10/2014, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) đã có văn bản số 3310/CV-HUD thông báo về việc rút cán bộ quản lý vốn và thôi tham gia thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Thúy do đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của HUD tại Công ty Cổ phần Tasco. Hội đồng quản trị Công ty đã bổ nhiệm và xin ý kiến Đại hội cổ đông phê chuẩn việc bổ nhiệm bà Phạm Thị Chi làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế vị trí của bà Nguyễn Thị Thúy nhiệm kỳ 2012-2017.

HĐQT gồm 07 thành viên là những người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và đầu tư.

Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT: 13,83% cụ thể như sau:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ/ mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	7.264.088	5,66%
2	Phạm Văn Lương	Phó chủ tịch HĐQT	4.185.991	3,26%
3	Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	1.763.959	1,37%
4	Phạm Thị Nhân	Ủy viên HĐQT	1.540.710	1,20%
5	Vũ Quang Lâm	Ủy viên HĐQT	2.897.362	2,26%
6	Nguyễn Ngọc Hùng	Ủy viên HĐQT	96.857	0,08%
7	Phạm Thị Chi	Ủy viên HĐQT	0	0%
	Tổng Cộng		17.748.967	13,83%

Danh sách thành viên HĐQT:

1. Ông Phạm Quang Dũng

Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 12/04/1954
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hải Phương - Hải Hậu – Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 01302570 cấp ngày 12/12/2007 tại Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : E2103 – The Manor, Mỹ Đình, Sông Đà, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1980-08/1994	Ban chỉ huy công trường Thủy Lợi – Hải Hậu	Kế toán
08/1994-06/1997	Công ty xây dựng huyện Hải Hậu – Nam Định	Đội trưởng đội thi công – Phó giám đốc
7/1997-10/1998	Công ty công trình Giao thông NĐ	Phó Giám đốc
11/1998-12/2000	Công ty công trình Giao thông NĐ	Giám đốc
T1/2001 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT

2. Ông Phạm Văn Lương

Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 05/09/1957
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Liêm Hải - Ninh Nam - Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 162057066
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 22 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán ngành kế toán doanh nghiệp
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1973 - 1976	Công Ty Thủy lợi – Hà Nam Ninh	Công nhân kỹ thuật
1977 - 1978	Trường nghiệp vụ I Thủy lợi – Mê Linh – Vĩnh Phúc	Sinh viên
1978 - 1983	Trường sỹ quan công binh	Học viên

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983 - 1988	Trường sỹ quan công binh Sông Bé	Giáo viên
1988 - 1997	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	Quản đốc
1997- 1998	Đội khai thác Công ty liên doanh CT miền Trung	Đội trưởng
1998 - 2002	Đội công trình 14 Công ty công trình giao thông ND	Đội trưởng
2002 - 4/3/2009	Công ty cổ phần (Thành Công) Tasco	Giám đốc
4/3/2009 - 5/2012	Công ty CP TASCOS	Tổng Giám Đốc
5/2012 - nay	Công ty CP TASCOS	Phó Chủ tịch HĐQT

4. Ông Vũ Quang Lâm

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VETC
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 08/04/1975
 Nơi sinh : Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 162043265
 Địa chỉ thường trú : P1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997-1999	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	Cán bộ kỹ thuật hiện trường
1999-2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	Phó phòng chất lượng
2001 - 2006	Công ty Cổ phần XDGT và CSHTND	Cán bộ kỹ thuật
2006 - 2008	Công ty Cổ phần Thành Công	Phó GD kiêm GD chi nhánh
2008-2011	Công ty Cổ phần Tasco	Giám đốc ban QLDA
2011-2012	Công ty CP TASCOS	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
2012-2014	Công ty CP TASCOS	Phó TGĐ Đầu tư – UV HĐQT
5/2014 – 4/2015	Công ty CP TASCOS	Tổng giám đốc – UV HĐQT
4/2015 đến nay	Công ty CP TASCOS Công ty CP VETC	Ủy viên HĐQT (Tasco) Tổng giám đốc (VETC)

5. Bà Trần Thị Thanh Tân

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 7/8/1971
 Nơi sinh : Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Vũ Bản – Bình Lục – Hà Nam
 Chứng minh nhân dân: 162076741
 Địa chỉ thường trú : C6T6, tòa 335, Cầu Giấy, Dịch Vọng, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994-T10/2001	Công ty CP TASCO	Kế toán đội
2001-T3/2003	Công ty CP TASCO	Kế toán tổng hợp
T4/2003-T6/2007	Công ty CP TASCO	Kế toán trưởng
T7/2007-T7/2011	Công ty CP TASCO	TP kiểm toán nội bộ
T8/2011- T5/2012	Công ty CP TASCO	Phó TGD Tài chính
T5/2012 đến nay	Công ty CP TASCO	Ủy viên Hội đồng quản trị

6. Bà Phạm Thị Nhàn

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 22/02/1962
 Nơi sinh : Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 160264836 cấp ngày 07/07/1978 tại Nam Định
 Địa chỉ thường trú : 118- Giải phóng – Nam Định Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983-1985	Xí nghiệp gạch Nam An	Nhân viên kế toán
1985-2007	Công ty XNK thủ công mỹ nghệ tỉnh Nam Định	Kế toán trưởng
5/2007 – 5/2012	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán trưởng
5/2012 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên Hội đồng quản trị

7. Ông Nguyễn Ngọc Hùng:

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 13/8/1978
 Nơi sinh : Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên
 Chứng minh nhân dân: 013124443 cấp ngày 27/09/2008 tại Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Khu đô thị mới Dịch Vọng-Cầu Giấy – Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2004	Tổng công ty XDCT giao thông	Cán bộ Kỹ thuật
2004-2007	Công ty cổ phần giao thông Sông Đà	Đội trưởng
8/2007 – 11/2008	Công ty cổ phần Tasco	Trưởng phòng Đầu tư
Từ 12/2008 - 4/2014	Công ty cổ phần Tasco	Trưởng phòng PTTT, Giám Đốc phát triển thị trường
5/2014 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT

8. Bà Phạm Thị Chi:

Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị
 Giới tính : Nữ
 Ngày sinh : 26/03/1980
 Nơi sinh : Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 013024415 ngày cấp: 30/11/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : P416, Nơ 5, Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
 Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2003 - 2004	Công ty Tư vấn Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp	Chuyên viên pháp lý
Từ 2004 - 2006	Cục Kiểm tra Văn bản Quy phạm Pháp luật – Bộ Tư pháp	Chuyên viên kiểm tra văn bản

Từ 05/2008 - 3/2011	Công ty Luật Vision & Associates	Chuyên viên pháp lý
Từ 12/2013- 12/2014	Công ty Cổ phần Hùng Đức	Giám đốc
Từ 30/10/2015 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT

1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2015, HĐQT của Công ty đã tổ chức 43 cuộc họp và ban hành 32 Nghị quyết, 29 Quyết định nhằm hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp cũng như diễn biến thị trường và hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 do ĐHCĐ giao. Các phiên họp của HĐQT đều có biên bản họp ghi lại đầy đủ, trung thực các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT, Nghị quyết về các vấn đề được HĐQT nhất trí thông qua và các Quyết định của HĐQT cụ thể hóa các nội dung tại Nghị quyết.

Năm 2015, Hội đồng Quản trị đã kịp thời đưa ra các quyết định chiến lược, chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các công việc trọng yếu sau:

- Thực hiện chuyển đổi 100.000 trái phiếu chuyển đổi HUT-CB2013 thành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 846.474.910.000 đồng lên 946.474.910.000 đồng;
- Phát hành thành công 200 tỷ đồng cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ thêm 1.146.474.910.000 đồng;
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2014 ngày 19/5/2015;
- Đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% cho cổ đông hiện hữu;
- Phát hành thành công 500.000.000.000 đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu với kỳ hạn 3 năm;
- Thực hiện triển khai và đầu tư vào các dự án như: Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ nhân viên Văn phòng Trung ương Đảng và Báo nhân dân, dự án Pháp Vân, dự án BOT QL10 Hải Phòng, dự án BOT QL32 Phú Thọ,...
- Tổ chức thành công Đại hội Đồng cổ đông bất thường năm 2015 vào 22/12/2015.

1.3. Hoạt động của Thành viên HĐQT:

Trong năm 2015, Chủ tịch HĐQT đã quản lý và điều hành chiến lược phát triển Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong công tác quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành trong từng lĩnh vực.

Thành viên của Văn phòng HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT chuyên trách và một số thành viên khác, thực hiện chế độ họp định kỳ hàng tuần để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT và các nhiệm vụ do HĐQT giao, đồng thời chủ động sát cánh cùng ban điều hành trong việc giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần, từng thành viên HĐQT chuyên trách đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Với năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao, tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể trong việc đưa ra nhiều quyết sách đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Năm 2015, các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc cho Hội đồng Quản trị. Cụ thể:

- Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kì về các vấn đề chiến lược, đầu tư;
- Giám sát vận hành hệ thống đánh giá nhân sự;
- Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Đảm bảo Công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong Công ty;

Năm 2015, từng thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình và phát huy vai trò của các Trưởng tiểu ban trong công tác quản trị và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo Ban Tổng Giám đốc điều hành theo văn hóa và giá trị cốt lõi của Công ty, và quy định pháp luật.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 3 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên:

- Ông Phạm Huy Hoàng: Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Đoàn: Thành viên
- Ông Phạm Hồng Điệp: Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đại diện cho cổ đông đã thường xuyên giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty.

Hàng quý, Ban kiểm soát họp và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên cho từng quý và các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: giám sát về thực hiện quy chế, giám sát về quản lý tài chính,... Thông qua Điều lệ, các NQ của HĐQT, việc điều hành của Ban Tổng Giám đốc và qua các sổ sách báo cáo kế toán của các quý, năm.

Ban kiểm soát thường xuyên tiếp xúc và tiếp nhận thông tin từ các cổ đông; xem xét nghiêm túc các ý kiến của Cổ đông và có ý kiến với HĐQT để giải quyết kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2015:

- Năm 2015, Công ty thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban điều hành tương ứng với số tiền 4.855.071.824 đồng.
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	6.485.794	7,66	7.264.088	5,66	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Trần Thị Cúc	Vợ CT HĐQT	80.520	0,1	90.182	0,07	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Phạm Thị Nhài	Con CT HĐQT	57.600	0,07	64.512	0,05	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Phạm Thế Hùng	Con CT HĐQT	24.144	0,03	27.041	0,02	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Phạm Văn Lương	Phó CT HĐQT	2.737.494	3,23	4.185.991	3,26	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Trương Thị Nụ	Vợ Phó CT HĐQT	9.600	0,011	10.752	0,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Phạm Thị Hoa	Con Phó CT HĐQT	100	0,0001	111	0,0001	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Vũ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	2.586.931	3,06	2.897.362	2,26	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Phạm Thanh Tâm	Vợ TV. HĐQT	852.800	1,01	2.299.136	1,79	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Vũ Thị Loan	Em TV. HĐQT	3.480	0,004	3.897	0,003	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Phạm Thị Nhàn	Thành viên HĐQT	375.634	0,44	1.540.710	1,2	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	574.964	0,68	1.763.959	1,37	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Vũ Duy Hưng	Chồng TV. HĐQT	1.163.372	1,37	1.302.976	1,01	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Nguyễn Ngọc Hùng	TV. HĐQT	6.480	0,008	96.857	0,08	Trái phiếu chuyển đổi, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Cao Thị Hà	Vợ TV. HĐQT			448.000	0,35	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, nhận cổ tức bằng cổ phiếu
16	Hoàng Hà Phương	Tổng Giám đốc					

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
17	Đỗ Thị Thúy Hằng	Vợ Tổng Giám đốc			336.000	0,26	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
18	Trịnh Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc					
19	Nguyễn Ái Ly	Vợ Phó Tổng Giám đốc			168.000	0,13	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Phạm Huy Hoàng	Trưởng ban kiểm soát	5.844	0,007	6.545	0,005	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
21	Trần Thị Thu	Vợ Trưởng ban kiểm soát			280.000	0,22	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Phạm Hồng Điệp	Thành viên ban kiểm soát	315.260	0,37	409.090	0,32	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu
23	Nguyễn Văn Đoàn	Thành viên ban kiểm soát	6.000	0,0071	6.719	0,005	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
24	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT					Được biểu quyết trở thành thành viên HĐQT từ 30/10/2015
25	Lê Quân Cần	Chồng Thành viên HĐQT	3.169.590	3,74	3.549.940	2,77	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và trở thành người có liên quan từ 30/10/2015
26	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc			67.200	0,05	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và nhận cổ tức bằng cổ phiếu, được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ 10/8/15
27	Trương Văn Thịnh	Phó Tổng giám đốc			5.600	0,004	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ 19/12/15
28	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	3.240	0,00	5.420	0,004	Bổ nhiệm kế toán trưởng từ 01/7/2015
29	Lê Anh Vũ	Chồng Kế toán trưởng	3.480	0,00	3.449	0,003	Trở thành người có liên quan từ 01/7/2015
30	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	Thành viên HĐQT	5.429.376	6,41	0	0	Thoái vốn Nhà nước
31	Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	24.120	0,03	214	0,00	Miễn nhiệm Kế toán trưởng từ 01/7/2015

- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, phát triển nguồn nhân lực của Công ty là một trong nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT. Năm 2015, HĐQT đã thực hiện điều chỉnh, sửa đổi và ban hành một số văn bản, như sau:

- Thành lập các tiểu ban của HĐQT;
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Tiếp tục xây dựng để hoàn thiện hơn hệ thống: Trách nhiệm – nhiệm vụ, Hệ thống chức danh, Mô tả công việc và hệ thống năng lực
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro nhằm quản lý và bảo toàn vốn cho các cổ đông để đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động SXKD của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam – CPA VIETNAM, Báo cáo tài chính Công ty mẹ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TASCOS đã được kiểm toán:

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>

Mẫu B01 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.975.190.602.956	1.966.981.157.973
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	576.880.129.477	360.060.918.592
1. Tiền	111		295.680.129.477	302.860.918.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		281.200.000.000	57.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	45.249.232.122	76.362.165.051
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.249.232.122	76.362.165.051
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.220.713.013.767	1.412.424.242.609
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	763.979.970.700	1.243.161.820.581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		320.272.170.741	107.593.297.891
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10.130.000.000	362.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	126.653.633.499	61.663.674.455
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(322.761.173)	(356.550.318)
IV. Hàng tồn kho	140		56.384.765.377	59.535.634.994
1. Hàng tồn kho	141	5.5	56.384.765.377	59.535.634.994
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.963.462.213	58.598.196.727
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	2.497.322.813	19.428.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.900.589.570	47.035.578.193
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	4.565.549.830	11.543.189.745
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.111.160.271.020	4.246.356.127.077
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		250.642.124.472	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	250.519.019.957	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	3.273.104.515	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.150.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		2.440.807.716.569	685.620.674.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.440.517.138.500	685.279.532.526
- Nguyên giá	222		2.662.264.380.872	811.112.480.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.747.242.372)	(125.832.948.212)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	290.578.069	341.142.330
- Nguyên giá	228		1.250.694.888	1.185.694.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(960.116.819)	(844.552.558)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	2.038.634.741.149	3.422.135.642.724
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.038.634.741.149	3.422.135.642.724
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	321.821.249.053	132.096.969.269
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		315.691.249.053	16.909.026.908
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.130.000.000	85.212.349.400
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	29.975.592.961
VI. Tài sản dài hạn khác	260		59.254.439.777	6.502.840.228
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	59.254.439.777	6.502.840.228
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			7.086.350.873.976	6.213.337.285.050
(270 = 100+200)	270			

Mẫu B01 -DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.363.935.180.003	4.885.559.012.758
I. Nợ ngắn hạn	310		727.384.624.117	1.094.500.555.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	192.464.527.678	229.709.183.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.886.681.745	134.421.423.286
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	163.910.288.191	197.948.461.195
4. Phải trả người lao động	314		8.712.349.968	7.343.083.779
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	97.852.658.543	31.672.903.944
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	22.727.272	22.727.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	53.413.206.224	124.809.285.529
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	129.460.545.030	365.032.565.849
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	5.959.469.092	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.702.170.374	3.540.921.424
II. Nợ dài hạn	330		4.636.550.555.886	3.791.058.456.990
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	3.470.039.533	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	462.516.874.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	-	10.671.883.637
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	306.387.237	240.837.366.329
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.037.775.003.208	910.701.356.807
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	3.579.614.827.726	2.166.330.976.217
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	15.384.298.182	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.722.415.693.973	1.327.778.272.292
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	1.722.415.693.973	1.327.778.272.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.284.047.330.000	946.474.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.284.047.330.000	946.474.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.238.348.433	3.734.064.565
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.781.820.671	46.899.878.364
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		291.843.960.332	298.760.705.145
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.956.188.284	41.574.732.414
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		165.887.772.048	257.185.972.731
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.504.234.537	31.908.714.218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		7.086.350.873.976	6.213.337.285.050

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Phương Thúy

Trần Thị Thanh

Hoàng Hà Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.255.503.033.848	2.769.267.245.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	10.002.763.104	6.867.422.389
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.245.500.270.744	2.762.399.823.478
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	1.921.992.032.569	2.339.242.788.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		323.508.238.175	423.157.034.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	12.313.032.410	10.974.591.046
7. Chi phí tài chính	22	5.23	105.811.078.777	39.294.597.827
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>105.595.932.479</i>	<i>39.294.597.827</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		17.875.722.322	(541.717.414)
9. Chi phí bán hàng	25		13.982.993.663	12.804.325.674
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		37.901.377.088	42.696.471.247
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		196.001.543.379	338.794.513.857
12. Thu nhập khác	31	5.24	3.182.794.096	2.366.096.621
123 Chi phí khác	32	5.25	2.391.373.072	7.068.833.550
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		791.421.024	(4.702.736.929)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		196.792.964.403	334.091.776.928
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	35.847.938.201	75.489.307.232
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		160.945.026.202	258.602.469.696
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		160.165.180.348	257.749.735.286
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		779.845.854	852.734.410
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.295	3.120
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.295	3.120

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Phương Thúy

Trần Thị Thanh

Hoàng Hà Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	196.792.964.403	334.091.776.928
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	97.303.819.081	47.872.668.184
- Các khoản dự phòng	03	18.227.556.419	(402.592.147)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.188.754.732)	(10.822.125.847)
- Chi phí lãi vay	06	105.595.932.479	39.294.597.827
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	387.731.517.650	410.034.324.945
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(249.696.811.662)	177.408.152.999
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.150.869.617	59.857.198.479
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	527.307.839.084	293.149.074.507
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(55.229.493.573)	(46.884.641)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(105.595.932.479)	(39.104.022.824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(77.111.737.189)	(4.830.754.003)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.685.891.369
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.161.248.950)	(5.432.340.041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	424.395.002.498	893.720.640.790
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.428.234.049.051)	(1.229.922.135.562)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	26.000.000	220.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(362.172.556.045)	(149.540.072.883)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	285.817.412.400	110.740.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(224.501.000.000)	(83.202.049.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.850.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.201.063.393	16.200.224.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.718.863.129.303)	(1.333.653.579.243)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	270.000.000.000	200.180.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.395.740.703.827	2.180.938.304.482
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.154.445.206.137)	(1.879.802.003.785)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.160.000)	(128.181.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.511.287.337.690	501.188.119.697
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	216.819.210.885	61.255.181.244
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	360.060.918.592	298.805.737.348
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	576.880.129.477	360.060.918.592

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Phương Thúy

Trần Thị Thanh

Hoàng Hà Phương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 15 ngày 09 tháng 7 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TASCOT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCOT

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 15 của Công ty là 1.284.047.330.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 115 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	51	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51	51	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	51	51	Dịch vụ, xây lắp
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
6	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp
7	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Xây lắp
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30	30	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20	20	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Hà Nội	35,4	35,4	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng- Phú Thọ	Phú Thọ	30	30	Xây lắp

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành các văn bản:

+ Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 5 năm 2015 về việc thành lập Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng để quản lý đầu tư và khai thác Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, Thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Tasco là nhà đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT).

+ Quyết định số 09/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 5 năm 2015 về việc góp vốn tại Công ty cổ phần VETC Việt Nam để xây dựng trạm thu phí, lắp đặt hệ thống thu phí trên các tuyến cao tốc, liên tuyến quốc lộ và các tuyến giao thông khác.

+ Nghị quyết số 1A/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã đầu tư thêm 11.000.000 cổ phần của Tổng công ty Thăng Long - CTCP tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty tại Tổng công ty Thăng Long - CTCP từ 12,8% lên 35,4%.

+ Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị về việc góp vốn tại Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn từ Quốc lộ 2 đến Hương Nộn và nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 đoạn từ Cô Tiết đến cầu Trung Hà, tỉnh Phú Thọ theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT).

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), chi tiết xem tại thuyết minh số 6.5 Thông tin so sánh. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm, Công ty có 133.618.393.646 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý

chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	6.618.892.309	3.441.589.128
Tiền gửi ngân hàng	289.061.237.168	298.430.070.464
Tiền đang chuyển	-	989.259.000
Các khoản tương đương tiền	281.200.000.000	57.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	281.200.000.000	57.200.000.000
Tổng	576.880.129.477	360.060.918.592

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	45.249.232.122	45.249.232.122	76.362.165.051	76.362.165.051
- Tiền gửi có kỳ hạn	45.249.232.122	45.249.232.122	76.362.165.051	76.362.165.051
Dài hạn	-	-	29.975.592.961	29.975.592.961
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	29.975.592.961	29.975.592.961
Tổng	45.249.232.122	45.249.232.122	106.337.758.012	106.337.758.012

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	315.691.249.053	16.909.026.908
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	229.982.998.814	-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phủ Thọ	69.000.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	13.463.627.845	13.661.576.161
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.784.098.341	1.784.947.918
Công ty CP D - Tech	1.460.524.053	1.462.502.829
Đầu tư vào đơn vị khác	6.130.000.000	85.212.349.400
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Cotabig	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TIC	1.330.000.000	1.330.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long	-	79.082.349.400
Tổng	321.821.249.053	102.121.376.308

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	763.979.970.700	1.243.161.820.581
- Công ty CP Bất động sản Thái An	132.102.200.000	132.102.200.000
- Sở GTVT tỉnh Thái Bình	184.751.000.000	
- Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định	66.645.993.350	828.245.809.616
- Phải thu các đối tượng khác	380.480.777.350	282.813.810.965
Phải thu khách hàng dài hạn	250.519.019.957	-
- Sở GTVT tỉnh Thái Bình	250.519.019.957	-
Tổng	1.014.498.990.657	1.243.161.820.581

5.4 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	126.653.633.499	-	61.663.674.455	-
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	2.687.264.300	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	593.770.000	-	5.469.470.000	-
- Tạm ứng	40.041.711.975	-	19.962.820.624	-
- Phải thu khác	83.330.887.224	-	36.231.383.831	-
<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bồ Trạch</i>	<i>3.785.224.789</i>	-	<i>7.635.511.972</i>	-
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm</i>	<i>14.170.795.112</i>	-	-	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	<i>65.374.867.323</i>	-	<i>28.595.871.859</i>	-
Dài hạn	3.273.104.515	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	3.273.104.515	-	-	-
Tổng	129.926.738.014	-	61.663.674.455	-

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.189.892.762	-	67.550.540	-
Chi phí SX KDDD	44.539.078.308	-	57.355.445.372	-
Thành phẩm	1.000.613.848	-	95.468.103	-
Hàng hóa	9.655.180.459	-	2.017.170.979	-
Tổng	56.384.765.377	-	59.535.634.994	-

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	334.897.182
Xây dựng cơ bản dở dang	2.038.634.741.149	3.421.800.745.542
- Dự án khu Pháp Vân	41.066.942.454	30.121.491.427
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10 (*)	-	271.126.885.278
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	485.621.440.463	383.915.437.985
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án xây dựng nhà ở cho CB báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng	46.519.595.952	10.162.871.531
- Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương	537.531.449.597	506.766.995.542
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh- Hoài Đức	269.344.202.690	270.427.354.098
- Dự án 48 Trần Duy Hưng	1.651.529.289	1.572.545.838
- Dự án Tỉnh lộ 39 (**)	-	814.110.379.981
- Dự án quốc lộ BOT39	248.540.059.277	-
- Dự án BOT Quảng Bình (***)	103.793.750.659	1.074.317.844.478
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	47.286.433.472	47.428.052.902
- Dự án quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn	222.306.005.764	-
- Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe	22.197.287.886	-
- Các dự án khác	7.668.137.564	6.742.980.400
Tổng	2.038.634.741.149	3.422.135.642.724

Trong đó:

(*) Trong năm, Công ty đã bàn giao đưa vào khai thác sử dụng dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900 – Km98+400) 1,4 km đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hình thức hợp đồng BOT.

(**) Trong năm, Công ty đã bàn giao đưa vào khai thác sử dụng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền dự án ĐTXD công trình cải tạo cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức hợp đồng BT.

(***) Trong năm, Công ty đã nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km597+549-Km605+00 và đoạn Km617+00-Km641+00 tỉnh Quảng Bình theo hình thức hợp đồng BOT

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	26.285.074.127	4.786.852.456	21.790.463.938	8.381.384.459	749.868.705.758	811.112.480.738
Tăng trong năm	-	3.547.737.271	9.564.765.182	-	1.839.356.476.157	1.852.468.978.610
Mua trong năm	-	3.547.737.271	9.564.765.182	-	145.454.546	13.257.956.999
Tăng do XDCB hoàn thành	-	-	-	-	1.839.211.021.611	1.839.211.021.611
Giảm trong năm	-	-	1.276.078.476	41.000.000	-	1.317.078.476
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.276.078.476	41.000.000	-	1.317.078.476
Số dư tại 31/12/2015	26.285.074.127	8.334.589.727	30.079.150.644	8.340.384.459	2.589.225.181.915	2.662.264.380.872
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	9.715.483.956	1.991.100.080	6.967.854.911	4.353.869.197	102.804.640.068	125.832.948.212
Tăng trong năm	2.493.438.394	982.726.536	3.091.383.209	508.005.404	90.466.987.935	97.542.541.478
Khấu hao trong năm	2.493.438.394	982.726.536	3.091.383.209	508.005.404	90.466.987.935	97.542.541.478
Giảm trong năm	432.529.071	-	1.180.485.608	15.232.639	-	1.628.247.318
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.180.485.608	15.232.639	-	1.195.718.247
Giảm khác	432.529.071	-	-	-	-	432.529.071
Số dư tại 31/12/2015	11.776.393.279	2.973.826.616	8.878.752.512	4.846.641.962	193.271.628.003	221.747.242.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	16.569.590.171	2.795.752.376	14.822.609.027	4.027.515.262	647.064.065.690	685.279.532.526
Tại 31/12/2015	14.508.680.848	5.360.763.111	21.200.398.132	3.493.742.497	2.395.953.553.912	2.440.517.138.500

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	102.878.251	1.082.816.637	1.185.694.888
Tăng trong năm	-	65.000.000	65.000.000
Mua trong năm	-	65.000.000	65.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	102.878.251	1.147.816.637	1.250.694.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	34.369.176	810.183.382	844.552.558
Tăng trong năm	4.304.232	111.260.029	115.564.261
Khấu hao trong năm	4.304.232	111.260.029	115.564.261
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	38.673.408	921.443.411	960.116.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	68.509.075	272.633.255	341.142.330
Tại 31/12/2015	64.204.843	226.373.226	290.578.069

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	2.497.322.813	19.428.789
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.534.316.632	19.428.789
- Chi phí khác	963.006.181	-
Dài hạn	59.254.439.777	6.502.840.228
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.374.255.244	2.076.392.666
- Chi phí lãi vay	49.487.933.912	-
- Chi phí khác	8.392.250.621	4.426.447.562
Tổng	61.751.762.590	6.522.269.017

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Các khoản vay

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	129.460.545.030	129.460.545.030	383.096.544.978	618.668.565.797	365.032.565.849	365.032.565.849
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	58.938.651.404	58.938.651.404	95.960.171.147	284.346.495.156	247.324.975.413	247.324.975.413
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	47.791.703.638	47.791.703.638	112.882.238.374	135.954.914.022	70.864.379.286	70.864.379.286
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long	-	-	13.036.672.000	45.177.475.650	32.140.803.650	32.140.803.650
+ Ngân hàng SHB -CN Thăng Long	12.992.928.356	12.992.928.356	34.036.266.325	23.999.380.969	2.956.043.000	2.956.043.000
+ Ngân hàng Sacombank - CN Quảng Bình	-	-	64.200.000.000	64.200.000.000	-	-
+ Vay đối tượng khác	9.737.261.632	9.737.261.632	62.981.197.132	64.990.300.000	11.746.364.500	11.746.364.500
Vay dài hạn	3.086.394.494.726	3.086.394.494.726	1.520.160.458.849	600.096.940.340	2.166.330.976.217	2.166.330.976.217
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	2.203.782.676.869	2.203.782.676.869	1.197.106.310.992	387.477.680.110	1.394.154.045.987	1.394.154.045.987
+ Ngân hàng PT Việt Nam - CN Nam Định	549.125.920.000	549.125.920.000	-	18.155.556.000	567.281.476.000	567.281.476.000
+ Ngân hàng PT Việt Nam - SGD I	-	-	-	154.713.054.230	154.713.054.230	154.713.054.230
+ Ngân hàng NN và PTNT- CN Thái Bình	109.655.789.066	109.655.789.066	109.655.789.066	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	811.750.000	811.750.000	-	350.350.000	1.162.100.000	1.162.100.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	5.120.000.000	5.120.000.000	-	1.280.000.000	6.400.000.000	6.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	197.003.571.932	197.003.571.932	197.003.571.932	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM -CN Hồ Gươm	16.394.786.859	16.394.786.859	16.394.786.859	-	-	-
+ Vay đối tượng khác	4.500.000.000	4.500.000.000	-	38.120.300.000	42.620.300.000	42.620.300.000
Tổng	3.215.855.039.756	3.215.855.039.756	1.903.257.003.827	1.218.765.506.137	2.531.363.542.066	2.531.363.542.066

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2015 số 01/2015/232424/HĐTD ngày 13/07/2015, mức dư nợ tối đa là 204.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tư tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2016. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2015 số 01/2015/232424/HĐTD ngày 06/07/2015, mức dư nợ tối đa là 197.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2016. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long: Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0092/2014/HĐTDHM-GPBTLO ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

+ Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0180/2014/TLG/HDHM ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/1 lần được xác định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội được tất toán trong năm 2015:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình. Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long: Hợp đồng tín dụng số 129/2015/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 22/4/2015, mức dư nợ tối đa 15.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 22/4/2015, lãi suất vay thả nổi.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Quảng Bình: Hợp đồng tín dụng số LD1517700340 ngày 26/6/2015, số LD1517700333 ngày 26/6/2015. Mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay đến 04/07/2015, lãi suất vay 6,3%/năm.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT và các dự án BOT.

+ Đối với các dự án BOT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty đang thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900- Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

+ Đối với dự án BT: nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn vốn trái phiếu chính phủ đã bố trí cho dự án theo hợp đồng BT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900- Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư -Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900- Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn

Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

+ Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm năm phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.

- Khoản vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 15/5/2015 ký giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình và Công ty CP Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 330.000.000.000 đồng. Kỳ hạn rút vốn không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, kỳ hạn trả nợ là ngày 31/12/2019, lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo của bên cho vay và áp dụng lãi suất tiền vay có điều chỉnh. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến Thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm:

+ Hợp đồng số 0319/15/HĐTDTDH-DN/193 ngày 10 tháng 9 năm 2015, số tiền vay 200.000.000.000 đồng, thời gian vay 48 tháng, thời gian ân hạn gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn tài trợ dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng cho cán bộ phóng viên, nhân viên của báo nhân dân và Văn phòng trung ương Đảng thuộc khu đô thị mới Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội. Lãi suất cho vay (LSCV) được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần và được xác định vào Ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của lãi suất tham chiếu + (cộng) với 3,6%/năm.

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị	Kỳ hạn
- Loại phát hành theo mệnh giá (1)	500.000.000.000	3 năm	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu (2)	6.779.667.000	-	-	-
Giá trị thu được {3}=(1)-(2)	493.220.333.000	-	-	-

Trong đó:

Số lượng trái phiếu phát hành 500.000 trái phiếu, mệnh giá 1 triệu đồng/trái phiếu. Lãi suất trái phiếu: lãi suất thả nổi, được xác định bằng trung bình cộng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng công bố tại Sở Giao dịch/chi nhánh của 04 ngân hàng TMCP gồm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Sở Giao dịch tại ngày xác định lãi suất + Biên độ 3%.

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	192.464.527.678	192.464.527.678	229.709.183.490	217.770.503.853
- Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	45.141.074.470	45.141.074.470	56.501.282.864	56.501.282.864
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tiến Hưng	15.265.219.245	15.265.219.245	11.938.679.637	-
- Công ty TNHH Hợp Tiến	20.568.813.423	20.568.813.423	-	-
- Phải trả đối tượng khác	111.489.420.540	111.489.420.540	161.269.220.989	161.269.220.989
b. Dài hạn	3.470.039.533	3.470.039.533	-	-
- Phải trả đối tượng khác	3.470.039.533	3.470.039.533	-	-
Tổng	195.934.567.211	195.934.567.211	229.709.183.490	217.770.503.853

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
Phải nộp	197.948.461.195	143.421.648.422	177.459.821.426	163.910.288.191
Thuế giá trị gia tăng	123.845.153.204	100.244.533.904	98.391.604.398	125.698.082.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.314.763.824	38.428.693.912	73.921.185.069	37.822.272.667
Thuế thu nhập cá nhân	780.346.467	3.113.047.643	3.599.996.196	293.397.914
Thuế tài nguyên	4.684.400	197.273.104	135.212.336	66.745.168
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		421.636.219	421.636.219	-
Thuế khác	-	826.415.688	826.415.688	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.513.300	190.047.952	163.771.520	29.789.732
Phải thu	11.543.189.745	10.183.312.035	3.205.672.120	4.565.549.830
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	7.263.788.801	7.201.843.801	15.120.000	77.065.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.227.799.249	2.929.866.539	3.190.552.120	4.488.484.830
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	51.601.695	51.601.695	-	-

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	97.852.658.543	31.672.903.944
Trích trước giá vốn Dự án Vân Canh	13.402.403.212	12.955.820.330
Trích trước chi phí giá vốn Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	31.954.251.322	406.697.661
Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi	12.673.250.000	
Chi phí phải trả khác	39.822.754.009	18.310.385.953
Dài hạn	-	10.671.883.637
Chi phí phải trả khác	-	10.671.883.637
Tổng	97.852.658.543	42.344.787.581

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	22.727.272	22.727.272
Doanh thu nhận trước	22.727.272	22.727.272
Dài hạn	306.387.237	240.837.366.329
Doanh thu nhận trước	306.387.237	240.837.366.329
Tổng	329.114.509	240.860.093.601

5.15 Phải trả khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	53.413.206.224	124.809.285.529
Kinh phí công đoàn	338.759.179	99.079.559
Bảo hiểm xã hội	96.792.280	209.697.674
Bảo hiểm y tế	16.497.235	36.293.887
Bảo hiểm thất nghiệp	7.445.560	16.130.594
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.569.702.800	3.919.652.800
Phải trả, phải nộp khác	48.384.009.170	120.528.431.015
Dài hạn	1.037.775.003.208	910.701.356.807
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	386.475.300.000	456.475.300.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	651.299.703.208	454.226.056.807
Tổng	<u>1.091.188.209.432</u>	<u>1.035.510.642.336</u>

Trong đó:

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

Phải trả dài hạn khác gồm các hợp đồng góp vốn, thỏa thuận đặt cọc để Công ty thực hiện các dự án.

5.16 Dự phòng phải trả

	31/12/2015 VND
Ngắn hạn	5.959.469.092
Chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	5.959.469.092
Dài hạn	15.384.298.182
Chi phí trung tu, đại tu cầu đường của BOT QL10, QL21	15.384.298.182
Tổng	<u>21.343.767.274</u>

5.17 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	646.474.910.000	5.154.600.587	44.199.122.471	41.574.732.414	737.403.365.472
Tăng trong năm					
Tăng vốn	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.700.755.893	-	2.700.755.893
Lãi	-	-	-	258.602.469.696	258.602.469.696
Tăng khác	-	-	-	2.000.683.857	2.000.683.857
Giảm trong năm					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.417.180.822	3.417.180.822
Giảm khác	-	1.420.536.022	-	-	1.420.536.022
Số dư tại 31/12/2014	946.474.910.000	3.734.064.565	46.899.878.364	298.760.705.145	1.295.869.558.074
Số dư tại 01/01/2015	946.474.910.000	3.734.064.565	46.899.878.364	298.760.705.145	1.295.869.558.074
Tăng trong năm					
Tăng vốn	337.572.420.000	70.000.000.000	-	-	407.572.420.000
Lãi trong năm	-	-	-	160.165.180.348	160.165.180.348
Phân phối lợi nhuận	-	-	25.881.942.307	-	25.881.942.307
Tăng khác	-	-	-	6.731.760.095	6.731.760.095
Giảm trong năm					
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.241.265.256	36.241.265.256
Chia trả cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	137.572.420.000	137.572.420.000
Giảm khác (*)	-	3.495.716.132	-	-	3.495.716.132
Số dư tại 31/12/2015	1.284.047.330.000	70.238.348.433	72.781.820.671	291.843.960.332	1.718.911.459.436

(*) Thặng dư vốn cổ phần giảm do các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, phí đăng ký, quản lý niêm yết chứng khoán bổ sung.

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	-	54.293.760.000
Vốn góp của cổ đông khác	1.284.047.330.000	892.181.150.000
Tổng	1.284.047.330.000	946.474.910.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	946.474.910.000	646.474.910.000
Vốn góp tăng trong năm	337.572.420.000	300.000.000.000
Vốn góp tại cuối năm	1.284.047.330.000	946.474.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	137.572.420.000	-

Theo nghị quyết đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 12%. Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 12/6/2015.

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	128.404.733	94.647.491
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	128.404.733	94.647.491
Cổ phiếu phổ thông	128.404.733	94.647.491
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	128.404.733	94.647.491
Cổ phiếu phổ thông	128.404.733	94.647.491
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

STT	Khách nợ	Số tiền nợ (VND)
1	Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
2	Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
3	VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
4	UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
5	Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
6	Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
7	Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
8	Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
9	Công ty ĐTXD Phát triển Đô thị số 4	49.001.450
10	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
11	Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
12	Công ty CP XD CT Đô thị Nam Định	18.337.885
13	Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
14	Phạm Đăng Khởi	11.649.400
15	Vũ Văn Dũng	27.694.731
16	Phạm Văn Toàn	22.165.608
17	Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
	Tổng	1.205.255.123

Nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi: Khách nợ không có khả năng chi trả.

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thu phí	207.339.947.271	102.073.791.816
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	181.286.906.490	145.568.391.072
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.549.320.425.159	2.505.458.665.701
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	317.555.754.928	16.166.397.278
Tổng	2.255.503.033.848	2.769.267.245.867

5.20

5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	9.004.496.464	3.875.857.053
Hàng bán bị trả lại	998.266.640	2.991.565.336
Tổng	10.002.763.104	6.867.422.389

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thu phí	113.235.678.686	72.036.916.974
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	146.288.669.473	122.874.705.156
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.436.580.269.821	2.131.740.803.263
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	225.887.414.589	12.590.363.112
Tổng	<u>1.921.992.032.569</u>	<u>2.339.242.788.505</u>

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.825.768.110	10.074.591.046
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.487.264.300	900.000.000
Tổng	<u>12.313.032.410</u>	<u>10.974.591.046</u>

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	105.595.932.479	39.294.597.827
Chi phí hoạt động tài chính khác	215.146.298	-
Tổng	<u>105.811.078.777</u>	<u>39.294.597.827</u>

5.24 Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý tài sản	96.000.000	1.018.340.909
Thu nhập khác	3.086.794.096	1.347.755.712
Tổng	<u>3.182.794.096</u>	<u>2.366.096.621</u>

5.25 Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản	121.360.229	320.435.544
Chi phí khác	2.270.012.843	6.748.398.006
Tổng	<u>2.391.373.072</u>	<u>7.068.833.550</u>

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	35.847.938.201	75.489.307.232
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng	35.847.938.201	75.489.307.232

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	160.945.026.202	258.602.469.696
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	160.165.180.348	257.749.735.286
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	779.845.854	852.734.410
Các khoản điều chỉnh		
- Giảm do phân phối quỹ KTPL (*)	-	(10.000.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	160.165.180.348	247.749.735.286
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	123.671.914	79.414.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.295	3.120

Trong đó:

(*) Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty. Năm 2015, Công ty chưa tiến hành Đại Hội cổ đông, chưa phân phối lợi nhuận trong đó có quỹ khen thưởng, phúc lợi.

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.411.578.069	12.586.352.863
Chi phí nhân công	39.741.377.022	39.620.023.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.303.819.081	47.439.554.953
Chi phí dự phòng	3.041.400.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.349.933.714	812.819.633.770
Chi phí khác bằng tiền	23.240.884.608	10.303.481.208
Tổng	1.001.088.992.494	922.769.046.578

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

		Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương, thù lao	4.855.071.824	2.087.403.603
Tổng		4.855.071.824	2.087.403.603

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
1. Các khoản phải thu	132.102.200.000	132.453.464.800
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	132.102.200.000	132.102.200.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	-	351.264.800
2. Các khoản phải trả	617.968.605	617.968.605
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	7.111.968.958	930.262.293	650.732.069.225	658.774.300.476
Tài sản cố định không thẻ phân bổ	-	-	-	26.846.374.380
Xây dựng cơ bản dờ dang	334.897.182	3.421.800.745.542	-	3.422.135.642.724
Các khoản phải thu	302.439.870.165	1.081.402.081.820		1.383.841.951.985
Hàng tồn kho	59.526.904.589	-	8.730.405	59.535.634.994
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	49.048.954.313	305.940.308.884	4.227.804.628	359.217.067.825
Tài sản không thẻ phân bổ	-	-	-	302.986.312.666
Tổng tài sản				6.213.337.285.050
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	278.029.535.197	2.081.574.155.375	16.579.000.099	2.376.182.690.671
Phải trả tiền vay	267.464.038.576	2.219.300.217.833	120.300.000	2.486.884.556.409
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	22.491.765.678
Tổng nợ phải trả				4.885.559.012.758

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	1.046.000.796.191	1.621.192.657.860	102.073.791.816	2.769.267.245.867
Giảm trừ doanh thu	(3.875.857.053)	(2.991.565.336)	-	(6.867.422.389)
Doanh thu thuần	1.042.124.939.138	1.618.201.092.524	102.073.791.816	2.762.399.823.478
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(5.484.768.971)	332.298.432.472	7.278.113.427	334.091.776.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	756.525.257	73.131.597.021	1.601.184.954	75.489.307.232
Lợi nhuận trong kỳ	(6.241.294.228)	259.166.835.450	5.676.928.473	258.602.469.696

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	7.743.023.859	1.548.215.606.058	851.378.141.261	2.407.336.771.178
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	32.924.640.264
Xây dựng cơ bản dở dang		2.038.634.741.149		2.038.634.741.149
Các khoản phải thu	386.049.281.468	827.784.836.814	22.000.000	1.213.856.118.282
Hàng tồn kho	56.378.968.866		5.796.511	56.384.765.377
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	133.258.717.516	10.470.145.091	2.115.339.383	145.844.201.990
Tài sản không thể phân bổ		-	-	1.191.369.635.736
Tổng tài sản				7.086.350.873.976
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	297.711.345.314	1.315.971.013.442	22.762.928.149	1.636.445.286.905
Phải trả tiền vay	813.752.699.962	2.889.390.922.794	-	3.703.143.622.756
Nợ phải trả không phân bổ				24.346.270.342
Tổng nợ phải trả				5.363.935.180.003

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	1.730.607.331.649	317.555.754.928	207.339.947.271	2.255.503.033.848
Giảm trừ doanh thu	(9.004.496.464)	(998.266.640)	-	(10.002.763.104)
Doanh thu thuần	1.721.602.835.185	316.557.488.288	207.339.947.271	2.245.500.270.744
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	78.613.178.338	92.903.265.487	25.276.520.578	196.792.964.403
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.583.629.027	20.438.718.407	1.825.590.767	35.847.938.201
Lợi nhuận trong kỳ	65.029.549.311	72.464.547.080	23.450.929.811	160.945.026.202

6.4 Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	576.880.129.477	360.060.918.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.140.952.967.498	1.304.468.944.718
Các khoản cho vay	10.130.000.000	362.000.000
Đầu tư ngắn hạn	45.249.232.122	76.362.165.051
Đầu tư dài hạn	6.130.000.000	85.212.349.400
Tổng	1.779.342.329.097	1.826.466.377.761
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.709.075.372.756	2.531.363.542.066
Phải trả người bán và phải trả khác	1.287.122.776.643	1.265.219.825.826
Chi phí phải trả	97.852.658.543	42.344.787.581
Tổng	5.094.050.807.942	3.838.928.155.473

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	129.460.545.030	3.579.614.827.726	3.709.075.372.756
Phải trả người bán và phải trả khác	245.877.733.902	1.041.245.042.741	1.287.122.776.643
Chi phí phải trả	97.852.658.543	-	97.852.658.543
01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	365.032.565.849	2.166.330.976.217	2.531.363.542.066
Phải trả người bán và phải trả khác	354.518.469.019	910.701.356.807	1.265.219.825.826
Chi phí phải trả	31.672.903.944	10.671.883.637	42.344.787.581

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2015	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	576.880.129.477	-	576.880.129.477
Phải thu khách hàng và phải thu khác	890.310.843.026	250.642.124.472	1.140.952.967.498
Các khoản cho vay	10.130.000.000	-	10.130.000.000
Đầu tư ngắn hạn	45.249.232.122	-	45.249.232.122
Đầu tư dài hạn	-	6.130.000.000	6.130.000.000
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	360.060.918.592	-	360.060.918.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.304.468.944.718	-	1.304.468.944.718
Các khoản cho vay	362.000.000	-	362.000.000
Đầu tư ngắn hạn	76.362.165.051	-	76.362.165.051
Đầu tư dài hạn	-	85.212.349.400	85.212.349.400

6.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014			Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015			Ghi chú
Chỉ tiêu	MS	31/12/2014 VND	Chỉ tiêu	MS	01/01/2015 VND	
Các khoản phải thu khác	135	33.443.383.831	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	362.000.000	Phân loại lại
			Phải thu ngắn hạn khác	136	33.081.383.831	
Tài sản ngắn hạn khác	158	28.582.290.624	Phải thu ngắn hạn khác	136	28.582.290.624	Phân loại lại
Đầu tư dài hạn khác	258	115.187.942.361	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	85.212.349.400	Phân loại lại
			Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	29.975.592.961	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	596.938.297.286	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	134.421.423.286	Phân loại lại
			Người mua trả tiền trước dài hạn	332	462.516.874.000	
Chi phí phải trả	316	42.344.787.581	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	31.672.903.944	Phân loại lại
			Chi phí phải trả dài hạn	333	10.671.883.637	
Doanh thu chưa thực hiện	338	240.860.093.601	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22.727.272	Phân loại lại
			Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	240.837.366.329	
Quỹ đầu tư phát triển	417	33.276.441.113	Quỹ đầu tư phát triển	418	46.899.878.364	Gộp số liệu
Quỹ dự phòng tài chính	418	13.623.437.251				

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Số liệu theo 200/2014/TT/BTC			Ghi chú
Chỉ tiêu	MS	Số tiền VND	Chỉ tiêu	MS	Số tiền VND	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.246	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.120	Trình bày lại

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2016

